TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2026/HS-ST
Ngày 07-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chuyên; bà Lê Thị Xuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai, tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Phùng Xuân Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25/11/1984, tại: tỉnh Lào Cai; số căn cước: 015.084.011.134 ngày cấp: 22/11/2024, nơi cấp: Bộ C1. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Y, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (cũ); trình độ học vấn lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Xuân Đ1, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1953; Vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Từng là Đảng viên Đ2 (bị khai trừ Đảng tại Quyết định thi hành kỷ luật số 07-QĐ/UBKTĐU ngày 31/12/2025 của Ủy ban kiểm tra đảng ủy phường Y, tỉnh Lào Cai). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/4/2025 giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh L, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Â, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Â, tỉnh Lào Cai, (đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan), có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Â, tỉnh Lào Cai, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Â, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị N, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Â, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Bà Lưu Thị V, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Â, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

+ Quỹ tín dụng nhân dân H, tỉnh Lào Cai; Người đại diện: Bà Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1980 – Giám đốc, vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Thảo H2, sinh năm 2000, Thủ quỹ Quỹ tín dụng nhân dân H4, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Y, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Xuân Đ, nguyên là Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân H, tỉnh Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai) (địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nay là tổ dân phố H, phường Â, tỉnh Lào Cai), do Đ đầu tư làm ăn và chi tiêu cá nhân không hợp lý dẫn đến bản thân có nhiều khoản nợ phải trả gốc và lãi vượt quá khả năng chi trả nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 3/2025, Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật về khả năng của bản thân, về quy trình thủ tục khi muốn vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 để làm cho bà Đỗ Thị K, chị Nguyễn Thị Ngọc B, bà Trần Thị H1 tin là thật và giao tiền cho Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 10/2023, bà Đỗ Thị K cùng chồng là ông Nguyễn Văn T1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 000116/QSDĐ/QĐUB ngày 28/6/2004 do UBND huyện T cấp để vay 1.000.000.000 đồng, tại Quỹ tín dụng nhân dân H. Do có nhu cầu làm thủ tục gia hạn và chỉnh lý GCNQSDĐ nêu trên đúng với thực tế hiện trạng sử dụng đất, để tiếp tục vay tiền tại Quỹ, bà K hỏi Đ, mặc dù không có khả năng làm được thủ tục gia hạn và chỉnh lý GCNQSDĐ theo yêu cầu của bà K, nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của bà K, nên Đ vẫn nhận lời và đưa ra thông tin sai sự thật để bà K tin tưởng rằng Đ có khả năng làm được thủ tục gia hạn và chỉnh lý GCNQSDĐ cho bà nhưng phải mất chi phí cho Đ làm thủ tục trên để chiếm đoạt của bà K tổng số tiền là 385.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 09/7/2024, Đ nhận của bà K 100.000.000đồng;
- Ngày 06/11/2024, Đ nhận của bà K 100.000.000 đồng;
- Ngày 15/11/2024, Đ nhận của bà K 170.000.000đồng;
- Ngày 19/11/2024, Đ nhận của bà K 15.000.000 đồng.

Địa điểm giao nhận tiền các lần trên đều diễn ra tại nhà bà K. Đ đã sử dụng toàn bộ số tiền này để tiêu dùng cá nhân. Đến tháng 01/2025, do không thấy Đ thực hiện theo như đã hứa nên bà K đòi lại tiền nhưng Đ không có tiền trả cho bà K, đến ngày 04/4/2025 bà K đã làm đơn tố giác Đ gửi đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y (nay là tỉnh Lào Cai).

Vụ thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 12/2024, chị Nguyễn Thị Ngọc B có nhu cầu muốn mua một phần thửa đất của ông Đặng Xuân T2 (vợ là bà Trần Thị D), tại thôn P, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố P, phường V, tỉnh Lào Cai), GCNQSDĐ số 844916 do UBND huyện T, tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/08/2003 và phải đặt cọc trước 1.000.000.000 đồng, thực tế chị B chưa chuyển tiền đặt cọc, thời điểm này do thửa đất trên ông T2 đang thế chấp tại Ngân hàng A Chi nhánh V1 thuộc xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái với hạn mức vay tối đa là 1.000.000.000 đồng, nên chị B có ý định sẽ thanh toán trước số tiền ông T2 đã vay cho Ngân hàng A rồi tìm Ngân hàng khác thế chấp mảnh đất trên với giá cao hơn để có tiền thanh toán cho vợ chồng ông T2, nên khoảng tháng 01/2025 chị B đã gặp và đưa cho Đ xem bản sao GCNQSDĐ của vợ chồng ông T2, và hỏi Đ có vay được hạn mức cao hơn không. Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị B nên Đ nói sẽ giúp làm để hồ sơ cho vay được khoảng 2.200.000.000 đồng đến 2.600.000.000 đồng với điều kiện hai bên thỏa thuận là chị B phải đưa cho Đ 75.000.000 đồng để Đ làm chi phí lo thẩm định giấy tờ. Đến 16 giờ ngày 19/01/2025, tại quán C2, chị B chuyển khoản từ tài khoản Nguyễn Thị Ngọc B mở tại Ngân hàng T4 đến tài khoản số 3710149013 của Phùng Xuân Đ mở tại B1 số tiền là 60.000.000 đồng; Ngày 20/01/2025, cũng tại địa chỉ trên chị B chuyển cho Đ 15.000.000 đồng bằng cách sử dụng ứng dụng ngân hàng T4 trên điện thoại chuyển tiền từ số tài khoản 19037597673010 của Nguyễn Thị Ngọc B đến số tài khoản 3710149013 của Phùng Xuân Đ mở tại B1. Tổng cộng, Nguyễn Thị Ngọc B đã chuyển khoản cho Phùng Xuân Đ số tiền là 75.000.000 đồng. Đ nói với chị B một tuần sau sẽ làm xong thủ tục vay được tiền và hứa sẽ giúp chị B lo thủ tục nhận lại được GCNQSDĐ của vợ chồng ông Đặng Xuân T2 đang thế chấp tại Ngân hàng A Chi nhánh V1. Sau đó Đ đã chi tiêu hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến ngày mùng 7 Tết Nguyên Đán năm 2025 (tức ngày 04/02/2025 dương lịch) chị B đến Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 để tìm Đ, thì biết Đ đã xin nghỉ việc tại đây. Sau đó, chị B đã nhiều lần gọi điện cho Đ để đòi tiền, Đ mới trả lại cho chị B 34.800.000 đồng, số tiền còn lại là 40.200.000 đồng Đ chưa trả chị B.

Vụ thứ ba: Khoảng thời gian tháng 3/2025, do có mối quan hệ quen biết từ trước với bà Trần Thị H1, biết bà H1 đang cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn tạp sang đất thổ cư, Đ không có thẩm quyền, nhiệm vụ liên quan lĩnh vực đất đai, nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của bà H1 nên Đ đã chủ động đến nhà gặp và nhận giúp bà H1 chuyển đổi mục đích sử dụng đất, với điều kiện bà

H1 phải đưa cho Đ 14.000.000 đồng. Sau đó Đ đã nhận của bà H1 14.000.000 đồng và sử dụng hết số tiền đó vào mục đích cá nhân.

Tổng số tiền mà bị cáo Đ dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của 03 bị hại nêu trên là 474.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thông báo tìm bị hại liên quan đến vụ án Phùng Xuân Đ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng không có bị hại phát sinh. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2023 đến khoảng tháng 4/2024 bị cáo Đ còn phát sinh các khoản vay với 05 cá nhân gồm: (1) Định vay của bà Lưu Thị V số tiền 750 triệu đồng (2) vay của chị Vũ Thị N số tiền 500 triệu đồng. (3) Bà Trần Thị H1 số tiền 900.000.000 đồng. (4) Bà Nguyễn Thị C số tiền 1.200.000.000 đồng. (5) Chị Nguyễn Hồng Y số tiền 450 triệu đồng; các khoản vay trên các bên cho nhau vay hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận chịu lãi suất theo quy định, không bị ép buộc lừa dối, Đ đã trả một phần tiền gốc, lãi cho các khoản vay trên;

Tạm giữ tài liệu gồm:

* Tài liệu do bà Đỗ Thị K (bị hại) cung cấp theo biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập ngày 04/4/2025 gồm: 04 giấy nhận tiền có ký tên Phùng Xuân Đ vào các ngày 09/7/2024, 06/11/2024, 15/11/2024 và 19/11/2024.

* Tài liệu (bản photo) do Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 cung cấp kèm theo biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử lập ngày 28/7/2025 gồm:

- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số10221162/HĐTD(Nguyễn Hồng Y)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 10221224/HĐTD (Lưu Thị V)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 11221060/HĐTD (Vũ Thị N)
- 01Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 10221013/HĐTD (Trần Thị H1)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số11220964/HĐTD (Nguyễn Văn N2)
- 01 Quyết định số 102/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 về việc ban hành Quy chế thu, chi, tiền mặt, ấn chỉ có giá; T3 đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, xử lý tiền giả, nghi giả; Giao, nhận, trả tài sản cho khách hàng và vận chuyển hàng đặc biệt và Quy chế T3, chi, tiền mặt, ấn chỉ có giá; T3 đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, xử lý tiền giả, nghi giả; Giao, nhận, trả tài sản cho khách hàng và vận chuyển hàng đặc biệt ban hành theo Quyết định số 102/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng Hà gồm 09 tờ A4
- 01 Quyết định số 110/2024/QĐ-BĐH ngày 04/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 về việc ban hành về Quy trình thu, chi và giao nhận vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, sổ sách dùng trong nghiệp vụ kho quỹ và Quy trình thu, chi và giao nhận vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, sổ sách dùng trong nghiệp vụ kho quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 110/2024/QĐ-BĐH ngày 04/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng Hà gồm 07 tờ A4
- Quy chế cho vay; Phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủ ro tín dụng trong hoạt động; miễn, giảm lãi tiền vay đối với khách hàng gồm 16 tờ A4 (bản chính)

* Đồ vật, tài liệu do Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 cung cấp kèm theo biên bản biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử lập ngày 17/9/2025 gồm:

- 01 Biên bản làm việc giải quyết món vay của gia đình bà Trần Thị H1;

- 01 Biên bản làm việc giải quyết món vay của gia đình chị Nguyễn Hồng Y và ông Đào Văn Q.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-KV1, ngày 20/11/2025, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lào Cai truy tố Phùng Xuân Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phùng Xuân Đ phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phùng Xuân Đ từ: 09 năm – 10 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập, tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho 03 bị hại cụ thể: Bà Đỗ Thị K số tiền 385.000.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng; Bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 40.200.000 (bốn mươi triệu hai trăm nghìn) đồng; Bà Trần Thị H1 số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là **2.845.905.600 đồng** (Hai tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng),

Cụ thể: bị cáo phải trả cho:

+ Bà Lưu Thị V: tổng số tiền là 802.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi do bà V tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là 52.000.000 đồng).

+ Bà Vũ Thị N: Tổng số tiền là 521.782.200 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng tiền lãi do bà N tự bỏ ra để nộp lãi cho Quỹ tín dụng là 21.782.000 đồng)

+ Bà Trần Thị H1, tổng số tiền còn lại là 640.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị C: Đ phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền là 427.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 357.000.000 đồng, tiền lãi do bà C tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là 70.000.000 đồng).

+ Chị Nguyễn Hồng Y: tổng số tiền là 455.123.400 đồng (trong đó tiền gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi do chị Y tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là

5.123.400 đồng).

Về vật chứng: không.

Về án phí:

-Áp dụng Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

- Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền bồi thường cho 3 bị hại và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền trả lại cho 5 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo khai báo thành khẩn, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin lỗi các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhất trí bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của họ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Bà Trần Thị H1, chị Nguyễn Hồng Y yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bị cáo đã vay, chiếm đoạt của bà H1, chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, một số bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 3/2025, Phùng Xuân Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật về khả năng nhờ chỉnh lý, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, về quy trình thủ tục khi muốn vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3, để lừa đảo chiếm đoạt của bà Đỗ Thị K 385.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc B 75.000.000 đồng, bà Trần Thị H1 14.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của 03 bị hại nêu trên là 474.000.000 đồng, sau khi chiếm đoạt được tiền Định đã sử dụng chi tiêu hết cho mục đích cá nhân. Do vậy, Cáo trạng của Viện

kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để điều chỉnh mọi hoạt động của bản thân, nhận thức rõ được các hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì vụ lợi, muốn kiếm tiền bất chính bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn và trị an cho xã hội. Do vậy, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình tham gia tố tụng đã thành khẩn khai báo. Bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc B, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên (bà Đỗ Thị K, bà Trần Thị H1) và phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý tài liệu, đồ vật thu giữ: Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

* Tài liệu do bà Đỗ Thị K cung cấp theo biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập ngày 04/4/2025 gồm: 04 giấy nhận tiền có ký tên Phùng Xuân Đ vào các ngày 09/7/2024, 06/11/2024, 15/11/2024 và 19/11/2024.

* Tài liệu (bản photo) do Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 cung cấp kèm theo biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử lập ngày 28/7/2025 gồm:

- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số10221162/HĐTD (Nguyễn Hồng Y)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 10221224/HĐTD (Lưu Thị V)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 11221060/HĐTD (Vũ Thị N)
- 01Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 10221013/HĐTD (Trần Thị H1)
- 01 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số11220964/HĐTD (Nguyễn Văn N2)
- 01 Quyết định số 102/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 về việc ban hành Quy chế thu, chi, tiền mặt, ấn chỉ có giá; T3 đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, xử lý tiền giả, nghi giả; Giao, nhận, trả tài sản cho khách hàng và vận chuyển hàng đặc biệt và Quy chế T3, chi, tiền mặt, ấn chỉ có giá; T3 đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, xử lý tiền giả, nghi giả; Giao, nhận, trả tài sản cho khách hàng và vận

chuyển hàng đặc biệt ban hành theo Quyết định số 102/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng Hà gồm 09 tờ A4

- 01 Quyết định số 110/2024/QĐ-BĐH ngày 04/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 về việc ban hành về Quy trình thu, chi và giao nhận vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, sổ sách dùng trong nghiệp vụ kho quỹ và Quy trình thu, chi và giao nhận vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, sổ sách dùng trong nghiệp vụ kho quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 110/2024/QĐ-BĐH ngày 04/8/2024 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân Hồng Hà gồm 07 tờ A4

- Quy chế cho vay; Phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủ ro tín dụng trong hoạt động; miễn, giảm lãi tiền vay đối với khách hàng gồm 16 tờ A4 (bản chính)

* Đồ vật, tài liệu do Quỹ tín dụng nhân dân Hồng H3 cung cấp kèm theo biên bản biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử lập ngày 17/9/2025 gồm:

- 01 Biên bản làm việc giải quyết món vay của gia đình bà Trần Thị H1;

- 01 Biên bản làm việc giải quyết món vay của gia đình chị Nguyễn Hồng Y và ông Đào Văn Q.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt, bị cáo cũng nhất trí yêu cầu bồi thường của các bị hại, do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại: bà Đỗ Thị K số tiền 385.000.000đồng; Chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 40.200.000đồng; bà Trần Thị H1 số tiền 14.000.000đồng.

Đối với các khoản vay của bị cáo với 05 cá nhân gồm: (1) Định vay của bà Lưu Thị V số tiền 750 triệu đồng (2) vay của chị Vũ Thị N số tiền 500 triệu đồng. (3) Bà Trần Thị H1 số tiền 900.000.000 đồng. (4) Nguyễn Thị C số tiền 1.200.000.000 đồng. (5) Chị Nguyễn Hồng Y số tiền 450 triệu đồng; các khoản vay trên các bên cho nhau vay hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận chịu lãi suất theo quy định, không bị ép buộc lừa dối, Đ đã trả một phần tiền gốc, lãi cho các khoản vay trên; hiện còn nợ gốc và lãi cụ thể:

+ Bà Lưu Thị V: tổng số tiền là 802.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi do bà V tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là 52.000.000 đồng).

+ Bà Vũ Thị N: tổng số tiền là 521.782.200 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng tiền lãi do bà N tự bỏ ra để nộp lãi cho Quỹ tín dụng là 21.782.000 đồng)

+ Bà Trần Thị H1, tổng số tiền còn lại là 640.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị C: tổng số tiền là 427.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 357.000.000 đồng, tiền lãi do bà C tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là 70.000.000 đồng).

+ Chị Nguyễn Hồng Y: tổng số tiền là 455.123.400 đồng (trong đó tiền gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi do chị Y tự bỏ ra để nộp lãi cho Q1 tín dụng là 5.123.400 đồng).

HĐXX xét thấy đây là các giao dịch dân sự giữa bị cáo và các cá nhân. Các đương sự đều yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho họ số tiền mà bị cáo còn nợ họ nêu trên, tại phiên tòa, bị cáo cũng nhất trí với các yêu cầu của họ, nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Đối với bà Đào Thị K1, hiện đã bị cơ quan CSĐT công an huyện Ứ-Thành phố Hà Nội khởi tố về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 79 ngày 28/6/2024 và quyết định khởi tố bị can số 03 ngày 02/01/2025. Đồng thời bị cáo P xuân Đ cũng xác định việc Đ và K1 góp tiền cùng đầu tư san gạt đất là có thật, K1 không có mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của Đ nên Đ không yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự với K1, về trách nhiệm dân sự Đ chưa có yêu cầu xem xét, nên HĐXX không xét.

Đối với bà Bùi Thị Thảo H2 - Thủ quỹ của Quỹ tín dụng nhân dân H, quá trình điều tra xác định bà H2 đã thực hiện đúng quy định trong Quy chế hoạt động của Quỹ, không có sai phạm gì, nên không xem xét trách nhiệm đối với bà H2 trong vụ án này.

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân Hồ N - đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Hồng N1 - Giám đốc, quá trình điều tra xác định việc lập hồ sơ, thẩm định, quyết toán giữa Q1 với người vay tiền đều đảm bảo đúng quy trình. Bà N1 xác định Quỹ tín dụng nhân dân H không bị thiệt hại gì trong các giao dịch nêu trên, do đó không có yêu cầu hay đề nghị trách nhiệm gì đối với bị cáo Phùng Xuân Đ nên không xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Xuân Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể: Bà Đỗ Thị K số tiền 385.000.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu) đồng; Chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 40.200.000 (bốn mươi triệu hai trăm nghìn) đồng; bà Trần Thị H1 số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Bà Lưu Thị V số tiền 802.000.000 (tám trăm linh hai triệu)đồng;

- Bà Vũ Thị N 521.782.200 (năm trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn hai trăm) đồng;

- Bà Trần Thị H1 số tiền 640.000.000 (sáu trăm bốn mươi triệu) đồng;

- Bà Nguyễn Thị C số tiền 427.000.000 (bốn trăm hai mươi bảy triệu) đồng;

- Chị Nguyễn Hồng Y số tiền 455.123.400 (bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (bị cáo) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 97.702.000 (chín mươi bảy triệu bảy trăm linh hai nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bà Trần Thị H1 được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Hồng Y) được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a. 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Văn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- CQCSĐT- Công an tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1- Lào Cai;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLvà NVLQ
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

THÀN
H VIÊN
HỘI
ĐỒNG
XÉT
XỬ